CÔNG TY TNHH MOONMILK
Tổ 13 Đường Đệ, Phường Bắc Nha Trang,
Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
T: 02583 553 888

SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH KHÁNH HÒA
ĐẾN
Số: 9262
Ngày: 27/5/26
Chuyển:.....
Số và ký hiệu HS:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Ký bởi: SỞ CÔNG THƯƠNG
Ngày ký: 27-05-2026 16:55:51 +07:00

V/v: tự công bố sản phẩm.

Nha trang, ngày 07 tháng 05 năm 2026

Kính gửi : **SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH KHÁNH HÒA**

Thực hiện Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính Phủ qui định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm, Công ty TNHH Moonmilk kính gửi Sở Công Thương Tỉnh Khánh Hòa hồ sơ tự công bố cho sản phẩm thực phẩm nhập khẩu với chi tiết như sau:

Stt	Tên sản phẩm	Số công bố	Ngày công bố
1	Ba chỉ heo hun khói chín MRT	69/Moonmilk/2026	01/05/2026

Chúng tôi cam kết thực hiện đầy đủ các qui định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố chất lượng và an toàn thực phẩm với sản phẩm đã công bố.

Hồ sơ đính kèm gồm:

- Bản tự công bố
- Phiếu kiểm nghiệm
- Giấy ĐKKD

ĐẠI DIỆN CÔNG TY
GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 4201570744 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH MOONMILK
TP. NHA TRANG - T. KHÁNH HÒA

Nguyễn Hữu Long

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số : 69/Moonmilk/2026

I. Thông tin về tổ chức tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức: CÔNG TY TNHH MOONMILK

Trụ sở: Tổ 13 Đường Đệ, phường Bắc Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Điện thoại: 0258 3553 888 Email: import2.moonmilk@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 4201570744, do Sở KH & ĐT tỉnh Khánh Hòa cấp đăng ký lần đầu ngày 27/08/2013, đăng ký thay đổi lần 3 ngày 09/01/2023.

II.Thông tin về sản phẩm:

1.Tên sản phẩm: Ba chỉ heo hun khói chín MRT

2.Thành phần:: Ba chỉ heo, nước, hỗn hợp muối nitrit (muối, chất cố định màu natri nitrit), dextrose, chất ổn định (natri dihydro pyrophosphate), chất chống oxy hóa (natri ascorbate), chất tăng cường hương vị (monosodium glutamate), maltodextrin.

3.Thời hạn sử dụng sản phẩm: 45 ngày kể từ ngày sản xuất

4.Quy cách đóng gói: 360g hoặc khối lượng tịnh đúng với khối lượng tịnh đã ghi trên nhãn sản phẩm cho từng loại bao bì chứa đựng.

5.Chất liệu bao bì: Bao bì nhựa – phù hợp quy định an toàn vật liệu tiếp xúc thực phẩm của Bộ Y Tế.

6.Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm: Công ty TNHH "Miratorg-Kursk". 307120, Nga, tỉnh Kursk, huyện Fatezhsky, làng Verkhniy Lyubazh, đường Zapadnaya, số 6

Địa chỉ sản xuất: 307207, Nga, tỉnh Kursk, huyện Oktyabrsky, hội đồng nông thôn Chernitsynsky, làng Chernitsyno,số nhà 2, tòa 2.

III. Mẫu nhãn sản phẩm: đính kèm mẫu nhãn phụ và nhãn chính dự kiến

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Cty TNHH Moonmilk kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-1: 2011/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm
- QCVN 8-2: 2011/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- QCVN 8-3: 2012/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.
- Thông tư số 24/2019/TT-BYT – Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.

- Thông tư số 24/2013/TT-BYT –Quy định mức giới hạn tối đa dư lượng thuốc thú y trong thực phẩm.

Chúng tôi cam kết thực hiện đầy đủ các qui định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Khánh Hòa, ngày 01 tháng 05 năm 2026

ĐẠI DIỆN CÔNG TY

GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 4201570744 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH MOONMILK
TP. NHA TRANG - T. KHÁNH HÒA

Nguyễn Hữu Long

Ba chỉ heo hun khói chín MRT

МИРАТОРГ — КОПЧЕНО-ВАРЕНАЯ — ГРУДИНКА	**MIRATORG** **Ba chỉ heo hun khói – chín** **GRUDINKA**
ИСКЛЮЧИТЕЛЬНО ИЗ МЯСА С СОБСТВЕННЫХ ФЕРМ	CHỈ SỬ DỤNG THỊT TỪ CÁC TRANG TRẠI RIÊNG MIRATORG
КОНТРОЛЬ 100% ПРОИЗВОДСТВА МЯСА КЛАССИЧЕСКАЯ РЕЦЕПТУРА	**KIỂM SOÁT 100%** **QUY TRÌNH SẢN XUẤT THỊT** **CÔNG THỨC CỔ ĐIỂN**
RUS МЯСНОЙ ПРОДУКТ ИЗ СВИНИНЫ КОПЧЕНО-ВАРЕНЫЙ КАТЕГОРИИ Г. «ГРУДИНКА КЛАССИЧЕСКАЯ». **Упаковано под вакуумом. Состав:** грудинка свиная, вода, посолочно-нитритная смесь (соль, фиксатор окраски (нитрит натрия)), декстроза, стабилизатор (дигидропирофосфат натрия), антиокислитель (аскорбат натрия), усилитель вкуса и аромата (глутамат натрия 1-замещенный), мальтодекстрин. **На предприятии используются:** горчица, злаки, кунжут, молочные продукты, орехи, сельдерей, сульфиты, яйца и продукты их переработки. **Пищевая ценность 100 г продукта (средние значения):** белок – 10 г; жир – 45 г; **энергетическая ценность (калорийность)** – 1863 кДж/445ккал. **Хранить при температуре от 0°С до 6°С.** Рекомендуемый срок годности продукта после нарушения целостности потребительской упаковки при температуре хранения от 0°С до 6°С и относительной влажности воздуха от 75% до 78% - не более 3 суток в пределах общего срока годности упакованной продукции. **Дата изготовления и упаковывания, срок годности:** смотреть на упаковке. **ТУ 10.13.14-002-93150011-2018. Произведено в России. Номер завода: RU-046/AD38848. Изготовитель:** ООО «Мираторг-Курск». 307120, Россия, Курская обл., Фатежский р-он, село Верхний Любаж, ул. Западная, владение 6. **Адрес производства:** 307207, Россия, Курская обл., Октябрьский р-он, Черницынский сельсовет, село Черницыно, строение 2, корпус 2. **Телефон «Горячей линии»:** 8-800-100-80-87 (по России звонок бесплатный). www.miratorg.ru.	**RUS. SẢN PHẨM THỊT HEO HUN KHÓI CHÍN, LOẠI G** **"BA CHỈ HEO CỔ ĐIỂN"** **Đóng gói chân không. Thành phần:** ba chỉ heo, nước, hỗn hợp muối nitrit (muối, chất cố định màu natri nitrit), dextrose, chất ổn định (natri dihydro pyrophosphate), chất chống oxy hóa (natri ascorbate), chất tăng cường hương vị (monosodium glutamate), maltodextrin. **Tại cơ sở sản xuất có sử dụng**: mù tạt, ngũ cốc, mè, sản phẩm từ sữa, các loại hạt, cần tây, sulfit, trứng và các sản phẩm chế biến từ chúng, vì vậy sản phẩm có thể chứa hàm lượng của các thành phần này. **Giá trị dinh dưỡng trong 100 g sản phẩm (giá trị trung bình):** Protein: 10 g; Chất béo: 45 g; **Giá trị năng lượng:** 1863 kJ / 445 kcal. **Bảo quản ở nhiệt độ từ 0°C đến 6°C.** Sau khi mở bao bì, bảo quản ở nhiệt độ từ 0°C đến 6°C và độ ẩm tương đối từ 75% đến 78%, không quá 3 ngày trong phạm vi thời hạn sử dụng chung của sản phẩm đóng gói. **Ngày sản xuất, ngày đóng gói và hạn sử dụng:** xem trên bao bì. **Tiêu chuẩn TU 10.13.14-002-93150011-2018. Sản xuất tại Nga. Mã số nhà máy: RU-046/AD38848. Nhà sản xuất:** Công ty TNHH "Miratorg-Kursk". 307120, Nga, tỉnh Kursk, huyện Fatezhsky, làng Verkhniy Lyubazh, đường Zapadnaya, số 6. **Địa chỉ sản xuất:** 307207, Nga, tỉnh Kursk, huyện Oktyabrsky, hội đồng nông thôn Chernitsynsky, làng Chernitsyno,số nhà 2, tòa 2. **Đường dây nóng: 8-800-100-80-87** (miễn phí trong lãnh thổ Nga). **www.miratorg.ru**

CÔNG TY TNHH MOONMILK
GIÁM ĐỐC
(Đã ký và đóng dấu)
NGUYỄN HỮU LONG

Hoan

Tôi, Ngô Đình Hoàn, CCCD số: 034080013001 cấp ngày 29/04/2021 tại Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về TTXH; cam đoan đã dịch chính xác nội dung của giấy tờ/văn bản này từ **tiếng Nga sang tiếng Việt.**

Ngày 19 tháng 03 năm 2026

Người dịch ký và ghi rõ họ tên

Ngô Đình Hoàn

Ngày 19 tháng 03 năm 2026 (Bằng chữ: Ngày mười chín, tháng ba, năm hai nghìn không trăm hai mươi sáu)

Tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, địa chỉ tại số 165 Giảng Võ, phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội.

Tôi, CÔNG CHỨNG VIÊN Trần Thị Huyền là Công chứng viên, Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội.

CHỨNG THỰC

- Ông Ngô Đình Hoàn là người đã ký vào từng trang bản dịch này. Người thực hiện chứng thực đã đối chiếu chữ ký của người dịch trên bản dịch và nhận thấy phù hợp với chữ ký mẫu của cộng tác viên dịch thuật đã đăng ký tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội.

Văn bản chứng thực này được lập thành 2 bản gốc (mỗi bản gốc gồm 3 tờ, 3 trang), lưu 01 (một) bản gốc tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội.

Số chứng thực: 31391 **Quyển số: 01/2026 - SCT/CKND**

Người thực hiện chứng thực

Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu

CÔNG CHỨNG VIÊN

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG NGUYỄN HUỆ - P. Ô CHỢ DỪA - T.P HÀ NỘI

CÔNG CHỨNG VIÊN

Trần Thị Huyền

21. Smoked-boiled pork product. "Classic Brisket" chilled

RUS МЯСНОЙ ПРОДУКТ ИЗ СВИНИНЫ
КОПЧЕНО-ВАРЕНЫЙ КАТЕГОРИИ Г.
«ГРУДИНКА КЛАССИЧЕСКАЯ».

Упаковано под вакуумом. Состав: грудинка свиная, вода, молочно-нитритная смесь (соль, фиксатор окраски (нитрит натрия)), декстроза, стабилизатор (дигидрофосфат натрия), антиокислитель (аскорбат натрия), усилитель вкуса и аромата (глутамат натрия 1-замещенный), мальтодекстрин. На предприятии используются: горчица, злаки, кунжут, молочные продукты, орехи, сельдерей, сульфиты, яйца и продукты их переработки. Пищевая ценность 100 г продукта (средние значения): белок – 10 г; жир – 45 г; энергетическая ценность (калорийность) – 1863 кДж/445ккал. Хранить при температуре от 0°С до 6°С. Рекомендуемый срок годности продукта после нарушения целостности потребительской упаковки при температуре хранения от 0°С до 6°С и относительной влажности воздуха от 75% до 78% - не более 3 суток в пределах общего срока годности упакованной продукции. Дата изготовления и упаковывания, срок годности: смотреть на упаковке. ТУ 10.13.14-002-93150011-2018. Произведено в России. Номер завода: RU-046/AD38848. Изготовитель: ООО «Мираторг-Курск». 307120, Россия, Курская обл., Фатежский р-он, село Верхний Любаж, ул. Западная, владение 6. Адрес производства: 307207, Россия, Курская обл., Октябрьский р-он, Чернецынский сельсовет, село Чернецыно, строение 2, корпус 2. Телефон «Горячей линии»: 8-800-100-80-87 (по России звонок бесплатный). www.miratorg.ru.

AZƏ HİSƏ VERİLMİŞ - BIŞMIŞ DONUZ
ƏTİNDƏN HAZIRLANMIŞ ƏT MƏHSULU
KATEGORİYALI «QRUDİNKA
KLASSİÇESKAYA».

Vakuum altında qablaşdırılmışdır. Tərkibi: donuz əti döş hissəsi, su, duzlama-nitrit qarışığı (duz, rənglənə fiksatoru (natrium nitrit)), dekstroza, stabilizator (natrium dihidrofosfat), antioksidləşdirici (natrium askorbat), dad və ətir gücləndiricisi (natrium glutamat) 1-əvəz edilmiş), maltodekstrin. Müəssisədə xardal, taxıl, kunciut, süd məhsulları, fındıq, kərəviz, sulfit, yumurta və onlardan emal edilmiş məhsullar istifadə edilir. 100 q məhsulun ortalama qida dəyəri: zülal - 10 q; yağ - 45 q; 100 q məhsulun ortalama enerji dəyəri/kaloriyası - 1863 kC/445kal. 0°C-dan 6°C-dək temperaturda saxlamağ tələb olunur. Saxlama temperaturunda istehlak qablaşdırmasının bütövlüyünün pozulmasından sonra 75

ЦЕНА ТУ
MOONMILK
CÔNG TY TNHH
MSDN: 4201570744-CTTNHH TPMHATRANG-TIHANH
Người đại diện
GIÁM ĐỐC

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: COB2260300290-21 (1/5)

Tên khách hàng/ *Client's Name*	:	**CÔNG TY TNHH MOONMILK**
Địa chỉ/ *Client's Address*	:	Tổ 13 Đường Đệ, Phường Bắc Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Ngày nhận mẫu/ *Date sample(s) received*	:	17/03/2026
Ngày thử nghiệm/ *Date of testing*	:	17/03/2026 - 27/03/2026
Ngày trả kết quả/ *Date of Issue*	:	07/04/2026
Thông tin mẫu/ *Name of Sample*	:	**BA CHỈ HEO HUN KHÓI CHÍN MRT**
Mô tả mẫu/ *Sample Description*	:	Mẫu chứa trong bao bì kín
Bảng kết quả/ *Results Table*	:	

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

STT/ *No.*	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result (s)*	Đơn Vị/ *Unit*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*
1	Cảm quan / Sensory	Sản phẩm dạng rắn, mềm, nguyên vẹn, gói kín, có gia vị, không hư hỏng, không có tạp chất lạ. Màu đặc trưng của sản phẩm. Mùi vị đặc trưng của sản phẩm, không có mùi vị lạ.	-	AVA-KN-PP.HL/56

Chú thích/ *Remarks*:

1. (*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
2. (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
3. (**).(*): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (**).(*): Items are tested by subcontractor - currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
4. (CN): Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn Nuôi./ (CN): Analytical criteria recognized by the Department of Livestock Production.
5. (TS): Chỉ tiêu được chỉ định bởi Cục thủy sản./ (TS): Analytical criteria recognized by Directorate Of Fisheries.
6. LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.
7. LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp./ Limit of Quantitation.
8. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received.
9. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của AVATEK/ This report will not be reproducted except in full, without approval of AVATEK.
10. Thông tin về "Tên khách hàng, địa chỉ, thông tin mẫu" do khách hàng cung cấp/ Information "Client's name, Client's address, Name of sample" provided by Client's.
11. Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh/ For microbiological analytes:

- Theo phương pháp đổ đĩa : Kết quả được thể hiện <10 ; <1 ; <5 ; <2 khi không có phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như Không phát hiện./ According to the plate count testing method, the result is expressed <10 ; <1 ; <5 ; <2 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
- Theo phương pháp lọc : Kết quả được thể hiện <1 khi không phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như không phát hiện./ According to the membrane filter method, the result is expressed <1 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
- Theo phương pháp đếm số có xác suất lớn nhất (MPN): Kết quả được thể hiện là 0 ; <1.8 hoặc <3 khi không có bất kì phản ứng nào nghi ngờ sau thời gian ủ quy định, kết quả là âm tính (Không phát hiện)./ According to (MPN) method, the result is expressed 0 ; <1.8 or <3 when there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative (Not detected).

12. Đối với chỉ tiêu phân tích hóa học/ For chemical analytes:

- Khi chất phân tích được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là "< LOQ"./ When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as "< LOQ".

13. Kết quả trong báo cáo này là một phần trong tổng số 05 báo cáo của kết quả phân tích tổng thể/ The results presented in this report constitute one part of the total 05 reports in the overall analysis.

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

M.S.D.N: 0317692663 - C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ AVATEK THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TRẦN HOÀNG VINH

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: COB2260300290-21 (2/5)

Tên khách hàng/ *Client's Name*	:	**CÔNG TY TNHH MOONMILK**
Địa chỉ/ *Client's Address*	:	Tổ 13 Đường Đệ, Phường Bắc Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Ngày nhận mẫu/ *Date sample(s) received*	:	17/03/2026
Ngày thử nghiệm/ *Date of testing*	:	17/03/2026 - 27/03/2026
Ngày trả kết quả/ *Date of Issue*	:	07/04/2026
Thông tin mẫu/ *Name of Sample*	:	**BA CHỈ HEO HUN KHÓI CHÍN MRT**
Mô tả mẫu/ *Sample Description*	:	Mẫu chứa trong bao bì kín
Bảng kết quả/ *Results Table*	:	

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: COB2260300290-21 (2/5)

STT/ *No.*	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result (s)*	Đơn Vị/ *Unit*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*
1	Năng lượng (Tính từ protein, béo và carbohydrate) (*) / Calories (Calculated from protein, fat and carbohydrate) (*)	512	kcal/100g	AVA-KN-PP.HL/10
2	Đạm (*) / Protein (*)	16.1	g/100g	AVA-KN-PP.HL/01
3	Carbohydrat (*) / Carbohydrate (*)	0.571	g/100g	AVA-KN-PP.HL/04
4	Béo tổng (*) / Total fat (*)	49.5	g/100g	AVA-KN-PP.HL/02
5	Natri (Na) (*) / Sodium (Na) (*)	266	mg/100g	AVA-KN-PP.QP/063

Chú thích/ *Remarks*:

1. (*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
2. (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
3. (**).(*): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (**).(*): Items are tested by subcontractor - currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
4. (CN): Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn Nuôi./ (CN): Analytical criteria recognized by the Department of Livestock Production.
5. (TS): Chỉ tiêu được chỉ định bởi Cục thủy sản./ (TS): Analytical criteria recognized by Directorate Of Fisheries.
6. LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.
7. LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp./ Limit of Quantitation.
8. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received.
9. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của AVATEK/ This report will not be reproducted except in full, without approval of AVATEK.
10. Thông tin về "Tên khách hàng, địa chỉ, thông tin mẫu" do khách hàng cung cấp/ Information "Client's name, Client's address, Name of sample" provided by Client's.
11. Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh/ For microbiological analytes:

- Theo phương pháp đổ đĩa : Kết quả được thể hiện <10 ; <1 ; <5 ; <2 khi không có phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như Không phát hiện./ According to the plate count testing method, the result is expressed <10 ; <1 ; <5 ; <2 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
- Theo phương pháp lọc : Kết quả được thể hiện <1 khi không phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như không phát hiện./ According to the membrane filter method, the result is expressed <1 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
- Theo phương pháp đếm số có xác suất lớn nhất (MPN): Kết quả được thể hiện là 0 ; <1.8 hoặc <3 khi không có bất kì phản ứng nào nghi ngờ sau thời gian ủ quy định, kết quả là âm tính (Không phát hiện)./ According to (MPN) method, the result is expressed 0 ; <1.8 or <3 when there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative (Not detected).

12. Đối với chỉ tiêu phân tích hóa học/ For chemical analytes:

- Khi chất phân tích được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là "< LOQ"./ When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as "< LOQ".

13. Kết quả trong báo cáo này là một phần trong tổng số 05 báo cáo của kết quả phân tích tổng thể/ The results presented in this report constitute one part of the total 05 reports in the overall analysis.

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

M.S.D.N: 0317692663-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ AVATEK
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TRẦN HOÀNG VINH

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: COB2260300290-21 (3/5)

Tên khách hàng/ *Client's Name*	:	**CÔNG TY TNHH MOONMILK**
Địa chỉ/ *Client's Address*	:	Tổ 13 Đường Đệ, Phường Bắc Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Ngày nhận mẫu/ *Date sample(s) received*	:	17/03/2026
Ngày thử nghiệm/ *Date of testing*	:	17/03/2026 - 27/03/2026
Ngày trả kết quả/ *Date of Issue*	:	07/04/2026
Thông tin mẫu/ *Name of Sample*	:	**BA CHỈ HEO HUN KHÓI CHÍN MRT**
Mô tả mẫu/ *Sample Description*	:	Mẫu chứa trong bao bì kín
Bảng kết quả/ *Results Table*	:	

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: COB2260300290-21 (3/5)

STT/ *No.*	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result (s)*	Đơn Vị/ *Unit*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*
1	Cadimi (Cd) (*) / Cadmium (Cd) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.003)	mg/kg	AVA-KN-PP.QP/072 (Ref. AOAC 2015.01)
2	Chì (Pb) (*) / Lead (Pb) (*)	<0.01	mg/kg	AVA-KN-PP.QP/072 (Ref. AOAC 2015.01)

Chú thích/ *Remarks*:

1. (*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
2. (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
3. (**).(*): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (**).(*): Items are tested by subcontractor - currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
4. (CN): Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn Nuôi./ (CN): Analytical criteria recognized by the Department of Livestock Production.
5. (TS): Chỉ tiêu được chỉ định bởi Cục thủy sản./ (TS): Analytical criteria recognized by Directorate Of Fisheries.
6. LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.
7. LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp./ Limit of Quantitation.
8. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received.
9. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của AVATEK/ This report will not be reproducted except in full, without approval of AVATEK.
10. Thông tin về "Tên khách hàng, địa chỉ, thông tin mẫu" do khách hàng cung cấp/ Information "Client's name, Client's address, Name of sample" provided by Client's.
11. Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh/ For microbiological analytes:

- Theo phương pháp đổ đĩa : Kết quả được thể hiện <10 ; <1 ; <5 ; <2 khi không có phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như Không phát hiện./ According to the plate count testing method, the result is expressed <10 ; <1 ; <5 ; <2 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
- Theo phương pháp lọc : Kết quả được thể hiện <1 khi không phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như không phát hiện./ According to the membrane filter method, the result is expressed <1 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
- Theo phương pháp đếm số có xác suất lớn nhất (MPN): Kết quả được thể hiện là 0 ; <1.8 hoặc <3 khi không có bất kì phản ứng nào nghi ngờ sau thời gian ủ quy định, kết quả là âm tính (Không phát hiện)./ According to (MPN) method, the result is expressed 0 ; <1.8 or <3 when there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative (Not detected).

12. Đối với chỉ tiêu phân tích hóa học/ For chemical analytes:

- Khi chất phân tích được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là "< LOQ"./ When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as "< LOQ".

13. Kết quả trong báo cáo này là một phần trong tổng số 05 báo cáo của kết quả phân tích tổng thể/ The results presented in this report constitute one part of the total 05 reports in the overall analysis.

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

M.S.D.N: 0317692663 - C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ AVATEK THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TRẦN HOÀNG VINH

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: COB2260300290-21 (4/5)

Tên khách hàng/ *Client's Name*	**CÔNG TY TNHH MOONMILK**
Địa chỉ/ *Client's Address*	Tổ 13 Đường Đệ, Phường Bắc Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Ngày nhận mẫu/ *Date sample(s) received*	17/03/2026
Ngày thử nghiệm/ *Date of testing*	17/03/2026 - 27/03/2026
Ngày trả kết quả/ *Date of issue*	07/04/2026
Thông tin mẫu/ *Name of Sample*	**BA CHỈ HEO HUN KHÓI CHÍN MRT**
Mô tả mẫu/ *Sample Description*	Mẫu chứa trong bao bì kín
Bảng kết quả/ *Results Table*	

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: COB2260300290-21 (4/5)

STT/ *No.*	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result (s)*	Đơn Vị/ *Unit*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*
1	Chlortetracycline (*) / Chlortetracycline (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.7)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/036 (Ref. AOAC 2008.09)
2	Oxytetracycline (*) / Oxytetracycline (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.7)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/036 (Ref. AOAC 2008.09)
3	Tetracycline (*) / Tetracycline (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.7)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/036 (Ref. AOAC 2008.09)

Chú thích/ *Remarks*:

1. (*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
2. (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
3. (**).(*): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (**).(*): Items are tested by subcontractor - currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
4. (CN): Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn Nuôi./ (CN): Analytical criteria recognized by the Department of Livestock Production.
5. (TS): Chỉ tiêu được chỉ định bởi Cục thủy sản./ (TS): Analytical criteria recognized by Directorate Of Fisheries.
6. LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.
7. LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp./ Limit of Quantitation.
8. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received.
9. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của AVATEK/ This report will not be reproducted except in full, without approval of AVATEK.
10. Thông tin về "Tên khách hàng, địa chỉ, thông tin mẫu" do khách hàng cung cấp/ Information "Client's name, Client's address, Name of sample" provided by Client's.
11. Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh/ For microbiological analytes:

- Theo phương pháp đổ đĩa : Kết quả được thể hiện <10 ; <1 ; <5 ; <2 khi không có phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như Không phát hiện./ According to the plate count testing method, the result is expressed <10 ; <1 ; <5 ; <2 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
- Theo phương pháp lọc : Kết quả được thể hiện <1 khi không phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như không phát hiện./ According to the membrane filter method, the result is expressed <1 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
- Theo phương pháp đếm số có xác suất lớn nhất (MPN): Kết quả được thể hiện là 0 ; <1.8 hoặc <3 khi không có bất kì phản ứng nào nghi ngờ sau thời gian ủ quy định, kết quả là âm tính (Không phát hiện)./ According to (MPN) method, the result is expressed 0 ; <1.8 or <3 when there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative (Not detected).

12. Đối với chỉ tiêu phân tích hóa học/ For chemical analytes:

- Khi chất phân tích được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là "< LOQ"./ When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as "< LOQ".

13. Kết quả trong báo cáo này là một phần trong tổng số 05 báo cáo của kết quả phân tích tổng thể/ The results presented in this report constitute one part of the total 05 reports in the overall analysis.

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ AVATEK
M.S.D.N: 0317692663-C.T.C.P
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TRẦN HOÀNG VINH

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: COB2260300290-21 (5/5)

Tên khách hàng/ *Client's Name*	**CÔNG TY TNHH MOONMILK**
Địa chỉ/ *Client's Address*	Tổ 13 Đường Đệ, Phường Bắc Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Ngày nhận mẫu/ *Date sample(s) received*	17/03/2026
Ngày thử nghiệm/ *Date of testing*	17/03/2026 - 27/03/2026
Ngày trả kết quả/ *Date of Issue*	07/04/2026
Thông tin mẫu/ *Name of Sample*	**BA CHỈ HEO HUN KHÓI CHÍN MRT**
Mô tả mẫu/ *Sample Description*	Mẫu chứa trong bao bì kín
Bảng kết quả/ *Results Table*	

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: COB2260300290-21 (5/5)

STT/ *No.*	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result (s)*	Đơn Vị/ *Unit*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí (*) / Total aerobic microorganisms (*)	5.6×10^3	CFU/g	ISO 4833-1:2013/Amd 1:2022
2	Salmonella (*) / Salmonella (*)	Không phát hiện/ Not Detected	/25g	ISO 6579-1:2017/Amd 1:2020
3	Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)	<10	CFU/g	TCVN 7924-2:2008(ISO 16649-2:2001)

Chú thích/ *Remarks*:

1. (*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
2. (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
3. (**).(*): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (**).(*): Items are tested by subcontractor - currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
4. (CN): Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn Nuôi./ (CN): Analytical criteria recognized by the Department of Livestock Production.
5. (TS): Chỉ tiêu được chỉ định bởi Cục thủy sản./ (TS): Analytical criteria recognized by Directorate Of Fisheries.
6. LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.
7. LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp./ Limit of Quantitation.
8. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received.
9. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của AVATEK/ This report will not be reproduced except in full, without approval of AVATEK.
10. Thông tin về "Tên khách hàng, địa chỉ, thông tin mẫu" do khách hàng cung cấp/ Information "Client's name, Client's address, Name of sample" provided by Client's.
11. Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh/ For microbiological analytes:

- Theo phương pháp đổ đĩa : Kết quả được thể hiện <10 ; <1 ; <5 ; <2 khi không có phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như Không phát hiện./ According to the plate count testing method, the result is expressed <10 ; <1 ; <5 ; <2 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
- Theo phương pháp lọc : Kết quả được thể hiện <1 khi không phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như không phát hiện./ According to the membrane filter method, the result is expressed <1 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
- Theo phương pháp đếm số có xác suất lớn nhất (MPN): Kết quả được thể hiện là 0 ; <1.8 hoặc <3 khi không có bất kì phản ứng nào nghi ngờ sau thời gian ủ quy định, kết quả là âm tính (Không phát hiện)./ According to (MPN) method, the result is expressed 0 ; <1.8 or <3 when there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative (Not detected).

12. Đối với chỉ tiêu phân tích hóa học/ For chemical analytes:

- Khi chất phân tích được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là "< LOQ"./ When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as "< LOQ".

13. Kết quả trong báo cáo này là một phần trong tổng số 05 báo cáo của kết quả phân tích tổng thể/ The results presented in this report constitute one part of the total 05 reports in the overall analysis.

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

M.S.D.N: 0317692663-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ AVATEK
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TRẦN HOÀNG VINH